



BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT QUY ĐỊNH CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH DOANH NGHIỆP ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CÀ MAU VỚI NGHỊ QUYẾT QUY ĐỊNH CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH DOANH NGHIỆP ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CÀ MAU (NGHỊ QUYẾT SỐ 24/2019/NQ-HĐND)

NGHỊ QUYẾT QUY ĐỊNH CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH DOANH NGHIỆP ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CÀ MAU (NGHỊ QUYẾT SỐ 24/2019/NQ-HĐND)	NGHỊ QUYẾT QUY ĐỊNH CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH DOANH NGHIỆP ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CÀ MAU	THUYẾT MINH
1. Căn cứ pháp lý Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Căn cứ Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; Căn cứ Thông tư số 04/2018/TT-BKHĐT ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn việc thực hiện Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; Căn cứ Thông tư số 37/2018/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Danh mục sản phẩm nông nghiệp chủ lực quốc gia;	1. Căn cứ pháp lý Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15; Căn cứ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 64/2020/QH14; Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2024/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 76/2025/QH15; Căn cứ Luật Đầu tư số 143/2025/QH15; Căn cứ Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày ... tháng ... năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh	Kế thừa một số căn cứ ban hành văn bản; bổ sung một số căn cứ pháp lý có liên quan; rà soát, điều chỉnh một số căn cứ cho phù hợp với quy định hiện hành.

Căn cứ Thông tư số 02/2019/TT-BKHCN ngày 03 tháng 6 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Danh mục công nghệ hỗ trợ doanh nghiệp nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao; Xét Tờ trình số 177/TTr-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Cà Mau; Báo cáo thẩm tra số 143/BC-HĐND ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Ban kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.	Cà Mau dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách khuyến khích doanh nghiệp vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Cà Mau; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp. Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định chính sách khuyến khích doanh nghiệp vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Cà Mau.	
Điều 1. Quy định chung 1. Phạm vi điều chỉnh Nghị quyết này quy định một số chính sách ưu đãi và hỗ trợ của Nhà nước nhằm khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Cà Mau. 2. Đối tượng áp dụng Nghị quyết này áp dụng đối với doanh nghiệp được thành lập, đăng ký, hoạt động theo Luật doanh nghiệp và có dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện chính sách ưu đãi và hỗ trợ theo quy định Nghị quyết này. 3. Phân loại dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn Dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư là dự án phù hợp theo quy định tại Nghị quyết này,	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Nghị quyết này quy định chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 19 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Điều 2. Đối tượng áp dụng 1. Doanh nghiệp được thành lập, đăng ký, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và có dự án đầu tư quy định tại khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 3 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn. 2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân	- Tách Điều 1 của văn bản hiện hành thành 03 Điều. Cụ thể: - Phạm vi điều chỉnh: Kế thừa nội dung Nghị quyết cũ, có điều chỉnh cho rõ ý. - Đối tượng áp dụng: Điều chỉnh cho phù hợp với quy định tại Điều 2 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP. - Phân loại dự án: Không quy định lại, do đã được quy định tại Điều 3 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP. - Nguyên tắc áp dụng ưu đãi đầu tư: Thực hiện theo

thực hiện tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định pháp luật về đầu tư; dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư là dự án phù hợp theo quy định tại Nghị quyết này, thực hiện tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn theo quy định pháp luật về đầu tư. 4. Nguyên tắc áp dụng ưu đãi và hỗ trợ đầu tư a) Nhà nước hỗ trợ đầu tư bằng hình thức hỗ trợ một phần kinh phí đầu tư hoặc cấp bù chênh lệch lãi suất cho doanh nghiệp; b) Doanh nghiệp có dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư, dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư được hưởng các ưu đãi đầu tư, hỗ trợ đầu tư theo quy định của Nghị quyết này; c) Trong cùng một thời gian, nếu dự án đầu tư được hưởng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư có các mức ưu đãi, hỗ trợ khác nhau thì doanh nghiệp được lựa chọn áp dụng mức ưu đãi, hỗ trợ đầu tư có lợi nhất; d) Doanh nghiệp tự bỏ vốn, huy động vốn để thực hiện dự án đầu tư vào ngành, nghề ưu đãi đầu tư trong nông nghiệp, nông thôn. Nhà nước hỗ trợ sau đầu tư theo định mức hỗ trợ đối với từng loại hạng mục, công trình do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành; trình tự, thủ tục hỗ trợ theo quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP của Chính phủ; đ) Dự án được ưu đãi và hỗ trợ đầu tư là dự án được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư về danh mục dự án khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.	có liên quan đến việc thực hiện chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Cà Mau. Điều 3. Nguyên tắc áp dụng chính sách hỗ trợ Thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.	nguyên tắc không quy định lại các nội dung đã được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật khác.
Điều 2. Chính sách ưu đãi và hỗ trợ 1. Miễn, giảm tiền sử dụng đất;	Điều 4. Nội dung và mức hỗ trợ	Nghị quyết số 24/2019/NQ-HĐND quy định

miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước được áp dụng theo đúng quy định tại Điều 5 và Điều 6 của Nghị định số 57/2018/NĐ-CP của Chính phủ. 2. Hỗ trợ tập trung đất đai a) Điều kiện hỗ trợ Khu vực tập trung đất đai phải liền thửa, phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; Thời gian hợp đồng thuê đất, thuê lại quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để tập trung đất đai thực hiện dự án đầu tư tối thiểu là 05 năm đối với địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và tối thiểu là 07 năm đối với địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn. b) Hỗ trợ tập trung đất đai Doanh nghiệp có dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư thuê, thuê lại đất của hộ gia đình, cá nhân để thực hiện dự án đầu tư thì được Nhà nước hỗ trợ kinh phí tương đương với 20% tiền thuê đất, thuê mặt nước cho 05 năm đầu tiên kể từ khi dự án hoàn thành đi vào hoạt động; Doanh nghiệp có dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư, ưu đãi đầu tư nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân để hình thành vùng nguyên liệu được Nhà nước hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng vùng nguyên liệu với mức hỗ trợ 50 triệu đồng/ha, nhưng không quá 02 tỷ đồng/dự án và không phải chuyển sang thuê đất đối với diện tích đất nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất;	Doanh nghiệp có dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn được ngân sách địa phương hỗ trợ lãi suất vay thương mại sau khi dự án hoàn thành như sau: 1. Mức hỗ trợ: Bằng chênh lệch lãi suất vay thương mại so với lãi suất tín dụng nhà nước ưu đãi đầu tư tính trên số dư nợ thực tế tại thời điểm xem xét hồ sơ hỗ trợ. 2. Thời gian hỗ trợ lãi suất tính từ ngày bắt đầu giải ngân theo hợp đồng tín dụng với ngân hàng thương mại: a) 08 năm đối với dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư; b) 06 năm đối với dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư; c) Trường hợp dự án của doanh nghiệp nhỏ và vừa mới thành lập thì thời gian hỗ trợ lãi suất là 08 năm; d) Dự án mà doanh nghiệp tham gia liên kết chuỗi giá trị thì được áp dụng hỗ trợ lãi suất theo chu kỳ sản xuất của sản phẩm. 3. Hạn mức vay vốn được hỗ trợ lãi suất: Tối đa không quá 70% tổng mức đầu tư của dự án.	12 nội dung hỗ trợ. Tuy nhiên, qua rà soát, trách nhiệm của địa phương được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 19 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP của Chính phủ, như sau: “Điều 19. Trách nhiệm của địa phương 1. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh: a) Rà soát, ban hành chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn tại địa phương, trong đó quy định chính sách tín dụng tại địa phương quy định tại Điều 8 Nghị định này; vốn cấp bù lãi suất hỗ trợ cho các dự án và mức vốn sử dụng ngân sách địa phương để đảm bảo thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp”. Đồng thời, Điều 8 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định: “Điều 8. Tiếp cận, hỗ trợ tín dụng 1. Doanh nghiệp có dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn được ngân sách địa phương hỗ trợ lãi
---	---	---

Doanh nghiệp tập trung đất đai bằng cả hai hình thức quy định nêu trên thì được Nhà nước hỗ trợ bằng tổng cả hai hình thức nêu trên. 3. Tiếp cận, hỗ trợ tín dụng a) Doanh nghiệp có dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn được ngân sách Nhà nước hỗ trợ lãi suất vay thương mại sau khi dự án đầu tư hoàn thành, mức hỗ trợ là chênh lệch lãi suất vay thương mại so với lãi suất tín dụng nhà nước ưu đãi đầu tư bằng 2%/năm, tính trên số dư nợ thực tế tại thời điểm xem xét hồ sơ hỗ trợ; b) Thời gian hỗ trợ lãi suất tính từ ngày bắt đầu giải ngân theo hợp đồng tín dụng với ngân hàng thương mại, đối với dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư là 08 năm; đối với dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư là 06 năm; c) Hạn mức vay vốn được hỗ trợ lãi suất tối đa 70% tổng mức đầu tư của dự án. 4. Hỗ trợ doanh nghiệp nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao a) Hỗ trợ kinh phí thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học, mua bản quyền công nghệ, mua công nghệ hoặc mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để tạo ra sản phẩm mới, cải tiến công nghệ, công nghệ giảm thiểu ô nhiễm môi trường, công nghệ tiết kiệm nguyên liệu, nhiên liệu, tiết kiệm năng lượng Mức hỗ trợ: 50% kinh phí thực hiện, nhưng không quá 300 triệu đồng/đề tài/bản quyền/công nghệ; Điều kiện hỗ trợ: Doanh nghiệp có doanh thu năm trước tối thiểu		suất vay thương mại sau khi dự án hoàn thành như sau: a) Mức hỗ trợ: Bằng chênh lệch lãi suất vay thương mại so với lãi suất tín dụng nhà nước ưu đãi đầu tư tính trên số dư nợ thực tế tại thời điểm xem xét hồ sơ hỗ trợ. b) Thời gian hỗ trợ lãi suất tính từ ngày bắt đầu giải ngân theo hợp đồng tín dụng với ngân hàng thương mại: - Tối đa 08 năm đối với dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư; tối đa 06 năm đối với dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư; tối đa 05 năm đối với dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư. Trường hợp dự án của doanh nghiệp nông nghiệp vừa và nhỏ mới thành lập thì thời gian hỗ trợ lãi suất là 08 năm. - Dự án mà doanh nghiệp tham gia liên kết chuỗi giá trị thì được áp dụng hỗ trợ lãi suất theo chu kỳ sản xuất của sản phẩm. c) Hạn mức vay vốn được hỗ trợ lãi suất: Tối đa không
--	--	--

bằng 10 lần mức hỗ trợ; các bản quyền, công nghệ doanh nghiệp đề xuất mua phải phù hợp với định hướng phát triển sản xuất của doanh nghiệp đã đăng ký; trường hợp đề tài nghiên cứu khoa học của doanh nghiệp đã đăng ký thực hiện đề tài cấp tỉnh, cấp bộ được nghiệm thu từ mức đạt trở lên và được ứng dụng trong thực tế của doanh nghiệp. b) Hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện dự án sản xuất thử nghiệm phục vụ áp dụng công nghệ mới, công nghệ cao, sản xuất sản phẩm mới Mức hỗ trợ: 70% kinh phí thực hiện nhiệm vụ đối với dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư và 50% kinh phí đối với dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư nhưng không quá 01 tỷ đồng/dự án; Điều kiện hỗ trợ: Dự án sản xuất sản phẩm thử nghiệm, sản phẩm công nghệ cao, sản phẩm mới trong lĩnh vực công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ tự động hóa có văn bản thống nhất của cơ quan quản lý khoa học thuộc cấp bộ, cấp tỉnh; nhiệm vụ đề xuất hỗ trợ có nội dung phù hợp với định hướng phát triển sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. c) Doanh nghiệp có dự án nhân giống cây trồng bằng công nghệ nuôi cấy mô được hỗ trợ như sau Mức hỗ trợ: 50% kinh phí đầu tư để xây dựng cơ sở hạ tầng, thiết bị và xử lý môi trường, nhưng không vượt quá 02 tỷ đồng/dự án; Điều kiện hỗ trợ: Quy mô sản xuất từ 01 triệu cây/năm trở lên. d) Doanh nghiệp có dự án sản xuất giống cây trồng, giống vật nuôi, giống thủy sản, trồng thử nghiệm cây trồng mới có giá trị		quá 70% tổng mức đầu tư của dự án. d) Chính sách và phương thức hỗ trợ cụ thể do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành phù hợp với điều kiện của địa phương”. Tỉnh Cà Mau có 64 đơn vị hành chính cấp xã, trong đó có 57 địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; 07 địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn. Đối chiếu với quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 3 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP, tỉnh Cà Mau có Dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư và Dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư (không có Dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư). Do Cà Mau là địa bàn có điều kiện kinh tế khó khăn, đặc biệt khó khăn, cơ quan soạn thảo đề xuất mức hỗ trợ tối đa so với quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP, cao hơn quy định cũ (Nghị quyết số 24/2019/NQ-HĐND quy định hỗ trợ 2%/năm).
--	--	---

kinh tế cao được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt: Mức hỗ trợ 50% chi phí để xây dựng cơ sở hạ tầng, thiết bị và xử lý môi trường, cây giống, con giống nhưng không quá 01 tỷ đồng/dự án. đ) Doanh nghiệp đầu tư các khu, vùng, dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao: Mức hỗ trợ 300 triệu đồng/ha để xây dựng cơ sở hạ tầng, thiết bị và xử lý môi trường, nhưng không quá 02 tỷ đồng/dự án. 5. Hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực, phát triển thị trường a) Doanh nghiệp có dự án nông nghiệp, nông thôn theo quy định của Nghị quyết này được ngân sách Nhà nước hỗ trợ như sau: Hỗ trợ cho doanh nghiệp trực tiếp đào tạo nghề cho lao động với mức hỗ trợ 02 triệu đồng/tháng/lao động, thời gian hỗ trợ 03 tháng. Trường hợp doanh nghiệp tham gia liên kết chuỗi giá trị được hỗ trợ kinh phí tổ chức đào tạo và hướng dẫn kỹ thuật cho nông dân, mức hỗ trợ 500 ngàn đồng/nông dân tham gia liên kết được đào tạo. Thời gian hỗ trợ 03 tháng. Hỗ trợ 50% chi phí quảng cáo, xây dựng thương hiệu sản phẩm chủ lực quốc gia và cấp tỉnh; 50% kinh phí tham gia triển lãm hội chợ trong nước, ngoài nước được cấp có thẩm quyền phê duyệt. b) Các khoản hỗ trợ nêu tại điểm a khoản này được thực hiện theo dự án đầu tư. Tổng các khoản hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực, phát triển thị trường cho một dự án là 10% tổng mức đầu tư dự án và không quá 01 tỷ đồng/dự án. 6. Hỗ trợ đầu tư cơ sở chế biến		
--	--	--

nông, lâm sản a) Doanh nghiệp có dự án đầu tư: chế biến xay xát gạo; chế biến gỗ rừng trồng được ngân sách nhà nước hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng về nhà xưởng, thiết bị, giao thông, điện, nước và xử lý chất thải trong hàng rào dự án. Mức hỗ trợ: 60% tổng mức đầu tư và không quá 03 tỷ đồng đối với dự án đặc biệt ưu đãi đầu tư; 50% tổng mức đầu tư và không quá 02 tỷ đồng đối với dự án ưu đãi đầu tư; b) Điều kiện hỗ trợ dự án đầu tư phải bảo đảm giá trị sản phẩm sau chế biến tăng ít nhất 1,5 lần so với giá trị nguyên liệu thô ban đầu. Công suất sử dụng nguyên liệu chế biến: xay xát gạo phải đạt tối thiểu 7.000 tấn lúa/năm; chế biến gỗ rừng trồng phải đạt 20.000 m³/năm trở lên; c) Ngoài ra, nếu được công nhận là sản phẩm chủ lực tỉnh, thì dự án được hỗ trợ bổ sung 500 triệu đồng để đầu tư cơ sở hạ tầng. 7. Hỗ trợ đầu tư cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm a) Doanh nghiệp có dự án đầu tư giết mổ gia súc, gia cầm được ngân sách nhà nước hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng về nhà xưởng, thiết bị, giao thông, điện, nước và xử lý chất thải trong hàng rào dự án. Mức hỗ trợ: 60% tổng mức đầu tư và không quá 03 tỷ đồng đối với dự án đặc biệt ưu đãi đầu tư; 50% tổng mức đầu tư và không quá 02 tỷ đồng đối với dự án ưu đãi đầu tư; b) Điều kiện hỗ trợ dự án đầu tư giết mổ gia súc, gia cầm phải đạt công suất tối thiểu: 20 con trâu bò hoặc 100 con heo hoặc 2.500 con gia cầm/ngày đêm (đối với cơ sở giết mổ hỗn hợp thì quy		
---	--	--

đôi 01 con trâu, bò tương đương 05 con heo hoặc tương đương với 125 con gia cầm). 8. Hỗ trợ đầu tư cơ sở chăn nuôi heo tập trung a) Doanh nghiệp có dự án đầu tư cơ sở chăn nuôi heo tập trung được ngân sách nhà nước hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng về nhà xưởng, thiết bị, giao thông, điện, nước và xử lý chất thải trong hàng rào dự án. Mức hỗ trợ: 50% tổng mức đầu tư và không quá 02 tỷ đồng đối với dự án đặc biệt ưu đãi đầu tư; 40% tổng mức đầu tư và không quá 1,5 tỷ đồng đối với dự án ưu đãi đầu tư; b) Điều kiện hỗ trợ dự án đầu tư phải có quy mô chăn nuôi thường xuyên tập trung từ 2.000 con heo thịt trở lên; đảm bảo vệ sinh thú y, an toàn phòng chống dịch bệnh, an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật. 9. Hỗ trợ đầu tư cơ sở bảo quản nông sản, thủy sản a) Doanh nghiệp có dự án đầu tư cơ sở bảo quản nông sản, thủy sản: sấy lúa; sấy sản phẩm thủy sản; sấy phụ phẩm thủy sản được ngân sách nhà nước hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng về nhà xưởng, thiết bị, giao thông, điện, nước và xử lý chất thải trong hàng rào dự án. Mức hỗ trợ: 60% tổng mức đầu tư và không quá 02 tỷ đồng đối với dự án đặc biệt ưu đãi đầu tư; 40% tổng mức đầu tư và không quá 01 tỷ đồng đối với dự án ưu đãi đầu tư; b) Điều kiện hỗ trợ dự án đầu tư phải có công suất thành phẩm tối thiểu: sấy lúa 50 tấn/ngày; sấy sản phẩm thủy sản 02 tấn/ngày; sấy phụ phẩm thủy sản 10 tấn/ngày.		
--	--	--

10. Hỗ trợ đầu tư cơ sở nuôi thủy sản lồng bè trên biển a) Doanh nghiệp có dự án đầu tư cơ sở nuôi thủy sản lồng bè trên biển được ngân sách nhà nước hỗ trợ 100 triệu đồng cho 100 m³ lồng, bè nuôi thủy sản trên biển hoặc ven hải đảo cách xa bờ từ 06 hải lý trở lên; hỗ trợ 40 triệu đồng cho 100 m³ lồng, bè nuôi thủy sản trên biển cách bờ từ 06 hải lý trở xuống; b) Điều kiện hỗ trợ dự án đầu tư phải có quy mô tối thiểu 1.000 m³ lồng, bè; đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật. 11. Hỗ trợ đầu tư cơ sở nuôi trồng thủy sản thâm canh và siêu thâm canh Doanh nghiệp có dự án đầu tư cơ sở nuôi trồng thủy sản thâm canh và siêu thâm canh có quy mô diện tích mặt nước nuôi tối thiểu 02 ha trở lên được hỗ trợ 100 triệu đồng/ha để xây dựng hạ tầng, cấp nước, thoát nước, xử lý môi trường. Diện tích nuôi tăng lên mức hỗ trợ được tăng lên tương ứng nhưng không quá 02 tỷ đồng/dự án. 12. Hỗ trợ đầu tư cung cấp nước sạch cho vùng nông thôn Doanh nghiệp có dự án cung cấp nước sạch cho vùng nông thôn được hỗ trợ 03 triệu đồng/m³/công suất ngày đêm cho xây dựng mới hoặc 02 triệu đồng/m³/công suất ngày đêm cho nâng cấp cải tạo nhà máy sản xuất nước sạch. Ngoài ra, hỗ trợ 40% chi phí đường ống chính dẫn đến các khu vực dân cư có từ 10 hộ dân trở lên. Quy mô dự án được hỗ trợ có công suất từ 1.000m³/ngày đêm trở lên. Tổng mức hỗ trợ không quá 03 tỷ		
--	--	--

đồng/dự án.		
Điều 3. Nguồn kinh phí hỗ trợ Hàng năm ngân sách địa phương bố trí tương ứng 5% vốn chi cho ngành nông nghiệp để thực hiện chính sách hỗ trợ doanh nghiệp; đồng thời sử dụng nguồn vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội và các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp theo quy định tại Nghị quyết này.	Điều 5. Nguồn kinh phí hỗ trợ Hàng năm ngân sách địa phương bố trí tương ứng 5% vốn chi cho ngành nông nghiệp để thực hiện chính sách hỗ trợ doanh nghiệp; đồng thời sử dụng nguồn vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội và các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp theo quy định tại Nghị quyết này.	Quy định tại Điều 14 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP
Điều 4. Điều khoản chuyển tiếp Các dự án đang thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 18/2014/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Cà Mau giai đoạn 2015 - 2020 chưa được hưởng ưu đãi, hỗ trợ nếu phù hợp với quy định tại Nghị quyết này thì được thực hiện hỗ trợ, ưu đãi theo Nghị quyết này.	Không quy định nội dung này	NQ số 18/2014/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Cà Mau giai đoạn 2015 - 2020 đã bị thay thế bởi Nghị quyết số 24/2019/NQ-HĐND.
Điều 5. Tổ chức thực hiện 1. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết. 2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau khóa IX, Kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2019, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 và thay thế Nghị quyết số 18/2014/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm	Điều 6. Hiệu lực thi hành 1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày....tháng.....năm 2026. 2. Nghị quyết số 24/2019/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau về ban hành chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Cà Mau hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành. Điều 7. Tổ chức thực hiện 1. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.	Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 24/2019/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau về ban hành chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Cà Mau giai đoạn 2015 - 2020.	2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát quá trình thực hiện Nghị quyết. <i>Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau khóa ..., kỳ họp thứ thông qua ngày ... tháng ... năm 2026”.</i>	
Nơi nhận: - Ủy ban Thường vụ Quốc hội - Chính phủ; - Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra VPQPPL); - Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Bộ Tài chính; - Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; - Thường trực Tỉnh ủy; - Ủy ban nhân dân tỉnh; - BTT. UBMTTQ Việt Nam tỉnh; - Đại biểu HĐND tỉnh; - Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; - TT. HĐND, UBND huyện, thành phố; - Cổng Thông tin điện tử tỉnh; - Lưu: VT.	Nơi nhận: - Ủy ban Thường vụ Quốc hội; - Chính phủ; - Cục KTVB&TCTHPL - Bộ Tư pháp; - Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính; - Vụ Pháp chế - Bộ NN Môi trường; - Thường trực Tỉnh ủy; - Ủy ban nhân dân tỉnh; - BTT.UBMTTQ Việt Nam tỉnh; - Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; - NHNN - CN Khu vực 15; - Đại biểu HĐND tỉnh; - Các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; - TT.HĐND, UBND các xã, phường; - Cổng Thông tin điện tử tỉnh; - Lưu: VT.	Điều chỉnh cho phù hợp với đơn vị hành chính sau sắp xếp